

Số: **33** /QĐ-UBND

Đông Thái Ninh, ngày **15** tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÁI NINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Đông Thái Ninh khoá I Kỳ họp thứ Ba về việc phê duyệt dự toán thu chi ngân sách Nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1118/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND xã Đông Thái Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng kinh tế xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2026 của UBND xã Đông Thái Ninh (Có phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân xã; Trưởng phòng kinh tế xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- TT Đảng ủy, HĐND xã;
- UBMTTQVN xã;
- Các đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quang Vinh



ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐỒNG THÁI NINH

Biểu số 108/CK TC-NSNN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do- Hạnh phúc

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân phê duyệt)

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung thu	Dự toán thu	Nội dung chi	Dự toán chi
Tổng số thu NSNN	223.362	Tổng số chi NSNN	223.362
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	2.092	I. Chi đầu tư phát triển	23.800
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	26.180	II. Chi thường xuyên	150.678
III. Thu bổ sung	195.090	III. Dự phòng	3.562
- Bổ sung cân đối ngân sách	149.768	IV. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu vốn sự nghiệp	27.748
- Bổ sung có mục tiêu	45.322	V. Chi thực hiện chính sách ASXH 2026 từ nguồn CCTL	17.574



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân phê duyệt)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán 2026	
		Thu NSNN	Thu NSX
	Tổng thu (I+II)	240.112	223.362
I	Thu NSNN trên địa bàn (A+B)	45.022	28.272
A	Các khoản thu 100%	2.092	2.092
1	Thuế ngoài quốc doanh	980	980
1.1	- Thuế TNDN		
1.2	- Thuế GTGT	980	980
1.3	- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	663	663
3	Thu phí, lệ phí	120	120
4	Tiền thuê đất		
5	Thu khác ngân sách	273	273
5.1	- Thu phạt VPHC		
5.2	- Thu khác		
6	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	56	56
7	Các khoản huy động đóng góp XD cơ sở hạ tầng		
8	Thu đền bù khi nhà nước thu hồi đất		
9	Thu hồi các khoản đã chi năm trước		
10	Thu chuyển nguồn		
11	Thu kết dư ngân sách		
B	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	42.930	26.180
1	Lệ phí trước bạ nhà đất	4.500	1.350
2	Thuế TN cá nhân từ chuyển nhượng BĐS, TN từ SXKD	3.430	1.030
3	Thu tiền sử dụng đất	35.000	23.800
II	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	195.090	195.090
1	Bổ sung cân đối	149.768	149.768
2	Bổ sung có mục tiêu	45.322	45.322



Biểu số 110/CK TC-NSNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do- Hạnh phúc

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân phê duyệt)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026		
		Tổng số	ĐTPT	TX
A	B	1	2	3
	Tổng chi	223.362	23.800	199.562
1	Chi dân quân tự vệ, biên phòng	1.490		1.490
2	Chi trật tự an toàn xã hội	90		90
4	Chi giáo dục	78.438		78.438
6	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ, chuyển đổi số	1.277		1.277
8	Chi y tế	10.537		10.537
10	Chi văn hóa, thông tin và sự nghiệp thể thao	80		80
12	Chi phát thanh, truyền thanh	261		261
14	Chi bảo vệ môi trường	1.220		1.220
16	Chi các hoạt động kinh tế	6.108		6.108
18	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	31.277		31.277
20	Chi cho công tác xã hội	61.712		61.712
22	Chi khác	3.510		3.510
24	Dự phòng ngân sách	3.562		3.562



DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân phê duyệt)

ĐVT: triệu đồng

Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Nguồn cân đối ngân sách	Tổng số
TỔNG SỐ		141.554	-	115.348	97.810	23.800	17.539	23.800	23.800
I. Công trình chuyển tiếp		126.664	-	115.348	97.810	17.539	17.539	17.539	17.539
Trường MN xã Thái Đô; HM: Nhà hiệu bộ các phòng chức năng và bếp ăn	2022	6.988		6.437	5.624	813	813	813	813
Phụ trợ Trường mầm non Thái Tân	2014	226		199		199	199	199	199
Nhà hiệu bộ Trường Tiểu học Thái Tân	2015	1.739		248		248	248	248	248
Nhà hiệu bộ trường THCS Thái Học	2019	2.396		2.156	1.980	176	176	176	176
Trường THCS Thái Học, Hạng mục: Nhà học 2 tầng 8 phòng	2015	3.717		3.282	3.216	66	66	66	66
Nhà bếp ăn và các hạng mục phụ trợ trường TH và THCS Tân Học	2022	3.969		3.698	3.554	144	144	144	144
Trường TH và THCS Thái Đô; HM: Nhà học 2 tầng 8 phòng học	2023	5.778		5.280	3.255	2.025	2.025	2.025	2.025
Trường TH và THCS Thái Đô; HM: Nhà học 2 tầng 8 phòng học (Khu Trung Học)	2024	5.729		5.391	5.000	391	391	391	391
Trường TH và THCS Thái Xuyên (Nhà đa năng và phòng Hiệu bộ)	2024	6.077		5.712	5.135	577	577	577	577
Nhà VH thôn Lục Bắc xã Thái Xuyên	2021-2022	1.183		1.048	1.016	32	32	32	32
Đường GT trục thôn, trục xã Mỹ Lộc	2025	8.706		8.099	7.289	810	810	810	810
Đường GTNT thôn Chi Thiện	2025	1.352		1.215	1.100	115	115	115	115
Đường giao thông nội đồng trục chính xã Thái Tân	2012	471		460	433	27	27	27	27
Đường giao thông nội đồng trục chính Trà hải - Thái Hưng 2014	2014	336		336	229	107	107	107	107
Tuyến đường ra nghĩa trang Ngoại đê xã Thái Tân	2014	388		337	83	254	254	254	254
Đường giao thông trục xã đoạn từ trạm điện số 4 đến ngã tư quán mạnh	2014	3.261		2.925	2.741	184	184	184	184
Đường giao thông trục xã đoạn thôn Nghĩa Hưng đi Thái Xuyên, tây chùa đi thái học 2013	2014	1.820		1.562	1.294	268	268	268	268
Đương bờ kè thôn minh thành 2014	2014	1.343		1.284	788	496	496	496	496
Đương bờ kè thôn Nghĩa Hưng	2014	225		223	105	118	118	118	118
Đường vào nghĩa trang Địa Vinh 2014	2014	98		98	33	65	65	65	65
Đương bờ kè thôn Phú Uyên 2014	2014	115		84	46	38	38	38	38

Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Nguồn cân đối ngân sách	Tổng số
Đường giao thông nội đồng trục chính thôn nghĩa Hưng tuyến ngoại đề 2014	2014	169		168	138	30	30	30	30
Đường giao thông trục chính nội đồng (từ đường 65-ngõ ông Phụ)	2014	151		147	98	49	49	49	49
Đường bê tông ngõ ông Nhã 2014	2014	93		93	56	37	37	37	37
Đường giao thông nội đồng thôn Phú Uyên	2014	92		92	42	50	50	50	50
Đường giao thông nội đồng Hồng Thái 2014	2014	174		174	121	53	53	53	53
Đường giao thông trục xã Thái Tân đoạn từ chợ gạch đến trạm điện số 4	2014	2.601		2.287	1.884	403	403	403	403
Đường giao thông trục xã Thái Học	2017-2020	6.213		5.931	4.353	1.578	1.578	1.578	1.578
Đường Lục Bắc xã Thái Xuyên (của Chùa Linh Thanh - Bà Phìn)	2025	876		813		813	813	813	813
Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Thái Độ, đoạn từ chợ Bóp đến ngã ba thôn Đông Hải	2021-2022	8.389		7.897	7.488	409	409	409	409
Đường GTND cánh đồng đổi Thái Xuyên (HM: Tuyến 1 - Đoạn từ đường DH 87 đến sau ông Bình thôn Lục nam)	2023	743		742	715	27	27	27	27
Đường GTND cánh đồng đổi Thái Xuyên (HM: Tuyến 2 - Đoạn từ DA ông Thiện đến sau ông Hoa thôn Lục nam)	2023	496		496	450	46	46	46	46
Đường liên xã Thái Xuyên - Tân Học từ quốc lộ 37B đến khu xử lý rác thải tập trung 3 xã Tân - Mỹ Xuyên (đường ra cồn tây)	2023	4.331		4.224	3.600	625	625	625	625
Đường Liên xã Thái Xuyên - Tân Học, huyện Thái Thụy	2023	13.291		12.987	12.880	107	107	107	107
KCKM thôn Minh Thành 2014	2014	1.309		1.309	1.146	163	163	163	163
KCKM thôn Nghĩa Hưng 2014	2014	544		544	502	42	42	42	42
KCKM thôn Hồng Thái 2014	2014	372		372	359	13	13	13	13
KCKM thôn Phú uyên 2014	2014	1.286		1.286	1.213	73	73	73	73
KCKM Trạm bơm Đồng Hải	2012	2.277		2.068	1.855	213	213	213	213
KCKM Trạm bơm Đồng Hải (1A)	2012	468		424	261	163	163	163	163
Khu thu gom xử lý rác thải liên xã Thịnh Học	2016-2017	2.484		2.158	1.850	308	308	308	308
Khu chôn lấp rác hợp vệ sinh xã Thái Học	2012-2013	2.530		1.234	1.050	184	184	184	184
Khu XL và chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt xã Thái Xuyên, Thái Tân, Mỹ Lộc	2014	504		504		504	504	504	504
Lập tổng thể MB dự án ĐT XD trạm y tế xã Tân Học	2024	120		120		120	120	120	120

Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Nguồn cân đối ngân sách	Tổng số
Lập đồ án điều chỉnh QH chung XD xã Tân Học đến năm 2030	2024	176		176		176	176	176	176
Lập nhiệm vụ điều chỉnh QH chung XD xã Tân Học đến năm 2030	2024	23		23		23	23	23	23
Lập nhiệm vụ quy hoạch phục vụ dự án điều chỉnh quy hoạch chung XD xã Thái Đô, huyện Thái Thụy đến năm 2030	2022	24		24		24	24	24	24
Lập đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xã Thái Đô, huyện Thái Thụy đến năm 2030	2024	179		179		179	179	179	179
Chi phí lập tổng mặt bằng trường Th và THCS Thái Đô, huyện Thái Thụy	2024	130		130		130	130	130	130
Quy hoạch chung xây dựng xã Mỹ Lộc	2023	261		261		261	261	261	261
Kiểm kê đất đai xã Mỹ Lộc	2024	88		88		88	88	88	88
Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Thái Tân	2014	4.723		3.898	3.563	335	335	335	335
Phụ trợ UBND xã Thái Tân	2014	905		826	769	57	57	57	57
Cụm công trình Trung tâm xã Thái Tân	2015	451		397		397	397	397	397
Nhà làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã Thái Xuyên	2022-2025	14.274		13.202	10.496	2.706	2.706	2.706	2.706
2. Công trình khởi công mới		14.890	-	-	-	6.261	-	6.261	6.261
Xây dựng hạ tầng khu tái định cư Tân Tiến	2026	14.890				6.261		6.261	6.261